

Số: 94/TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 10 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đường dây và trạm biến áp 110kV Sông Công 5

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phần quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/QH15 thông qua ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 19/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ thường tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện nội dung Thông báo số 128/TB-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã Tân Quang thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5;

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5, cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của 04 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án Đường dây và Trạm biến áp 110kV Sông Công 5, cụ thể:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Tổng diện tích đất thu hồi:

Tổng diện tích đất thu hồi 247,2 m² của 04 hộ gia đình, cá nhân.

Trong đó:

- Đất trồng lúa (LUC, LUK): 162,6 m²;
- Đất rừng sản xuất (RSX): 84,6 m²;

b) Tổng diện tích hạn chế khả năng sử dụng đất:

Tổng diện tích hạn chế khả năng sử dụng đất 622,9 m² của 01 hộ gia đình, cá nhân.

Trong đó:

- Đất rừng sản xuất (RSX): 622,9 m²;

c) Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 94.384.450 đồng (Số tiền bằng chữ: Chín tư triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

Trong đó:

- Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại: 18.375.000 đồng;
- Bồi thường đất hạn chế khả năng sử dụng: 4.671.750 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản: 2.543.500 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo: 10.130.400 đồng;

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 55.125.000 đồng;
 - Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh: 2.472.000 đồng;
 - Thường bàn giao mặt bằng trước thời hạn: 1.066.800 đồng;
- Nguồn vốn: Vốn nhà đầu tư theo quy định.

c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: không có.

d) Phương án bố trí tái định cư: Không có

đ) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Được lập chi tiết tại Mục 2 Phần I văn bản này.

e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

g) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không có.

h) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thực hiện phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt và tổ chức chi trả, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi UBND phường phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Thời gian bàn giao đất cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II theo khoản 2 Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

i) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư gồm:

2.1. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (Bảng tổng hợp được tổng hợp từ 03 phương án chi tiết dưới đây).

2.1.1. Phương án chi tiết về bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường cây hàng năm, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, thường bàn giao mặt bằng trước thời hạn;

2.1.2. Phương án chi tiết về hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất;

2.1.3. Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất đối với từng chủ sở hữu tài sản.

2.2. Phương án chi tiết về bồi thường hạn chế khả năng sử dụng đất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Địa điểm niêm yết:

Tại Trung tâm phục vụ hành chính công trụ sở, HĐND - UBND xã Tân Cương và tại nhà văn hóa xóm Đức Hòa, xã Tân Cương.

III. Thời gian niêm yết: Từ ngày 20/3/2026 đến hết ngày 29/3/2026.

IV. Người có ý kiến góp ý, kiến nghị về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Thì gửi phiếu đóng góp ý kiến về dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II (Có mẫu Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này).

V. Thời gian tiếp nhận ý góp ý, kiến nghị: Từ ngày 20/3/2026 đến hết ngày 29/3/2026.

VI. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) đến tham dự hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi hết thời gian niêm yết theo thông báo (Có giấy mời cụ thể). Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II thông báo đề UBND, Ủy ban MTTQ xã Tân Cương; xóm Đức Hòa, xã Tân Cương; các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tân Cương;
- Ủy ban MTTQ xã Tân Cương;
- xóm Đức Hòa, xã Tân Cương;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, Lĩnh PK (8 b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Văn Tuyên

2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP 110KV SÔNG CÔNG 5

(Phương án kèm theo Thông báo số 94 /TB-CNTTPTQĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: đồng

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường đất hạn chế khả năng sử dụng	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất								Tổng Cộng
						Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất ở (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(5+6+...+15)	
1	Nguyễn Văn Xuân (SDD: 019060005531) - SDT: 0983.558.114	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương	48,2	4.820.000		337.400		-	14.460.000	-	-	482.000	-	241.000	20.340.400	
2	Nguyễn Văn Chín (SDD: 019081007251) - SDT: 0979.766.509	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương	84,6	2.115.000	4.671.750	-	1.405.300	6.753.600	6.345.000	-	-	846.000	-	253.800	22.390.450	
3	Trần Văn Tuấn (SDD: 019068010581) - SDT: 0352.336.738	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương	84,5	8.450.000		591.500		3.376.800	25.350.000	-	-	845.000	-	422.500	39.035.800	
4	Nguyễn Thị Quế (SDD: 019182000996)	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương	29,9	2.990.000		209.300		-	8.970.000	-	-	299.000	-	149.500	12.617.800	
A	TỔNG CỘNG:		247,2	18.375.000	4.671.750	1.138.200	1.405.300	10.130.400	55.125.000	-	-	2.472.000	-	1.066.800	94.384.450	

2.1.1. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT, BỒI THƯỜNG CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT CÒN LẠI, BỒI THƯỜNG CÂY HẰNG NĂM, HỖ TRỢ ỒN HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM, THƯỜNG BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN

DỰ ÁN: ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP 110KV SÔNG CÔNG 5

(Phương án kèm theo Thông báo số 94 /TB-CNTTPTQĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BD ĐC)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại		Bồi thường cây hằng năm		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh		Thường BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn)		Tổng cộng (đồng)
								Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(7x10)	(12)	(13)=(7x12)	(14)	(15)=(7x14)	(16)	(17)=(7x16)	(18)	(19)=(7x18)	(20)=(11+13+15+17+19)
1	Nguyễn Văn Xuân (SDD: 019060005531) - SDT: 0983.558.114			309,3	48,2				4.820.000		337.400		14.460.000		482.000		241.000	20.340.400
		359	1	309,3	48,2	LUK	1	100.000	4.820.000	7.000	337.400	300.000	14.460.000	10.000	482.000	5.000	241.000	20.340.400
2	Nguyễn Văn Chín (SDD: 019081007251) - SDT: 0979.766.509			8.251,4	84,6				2.115.000				6.345.000		846.000		253.800	9.559.800
		222	1	8.251,4	84,6	RSX	1	25.000	2.115.000			75.000	6.345.000	10.000	846.000	3.000	253.800	9.559.800
3	Trần Văn Tuấn (SDD: 019068010581) - SDT: 0352.336.738			1.072,2	84,5				8.450.000		591.500		25.350.000		845.000		422.500	35.659.000
		560(287,289)	1(17)	1.072,2	84,5	LUC	1	100.000	8.450.000	7.000	591.500	300.000	25.350.000	10.000	845.000	5.000	422.500	35.659.000
4	Nguyễn Thị Quế (SDD: 019182000996)			207,5	29,9				2.990.000		209.300		8.970.000		299.000		149.500	12.617.800
		361	1(17)	207,5	29,9	LUK	1	100.000	2.990.000	7.000	209.300	300.000	8.970.000	10.000	299.000	5.000	149.500	12.617.800
TỔNG CỘNG:				9.840,4	247,2				18.375.000		1.138.200		55.125.000		2.472.000		1.066.800	78.177.000

2.1.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, HỖ TRỢ HỘ NGHÈO KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP 110KV SÔNG CÔNG 5

(Phương án kèm theo Thông báo số 94 /TB-CNTTPTQĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (m ²)	Hỗ trợ ổn định đời sống						Hỗ trợ hộ nghèo						Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
				Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, TT nơi có đất thu hồi (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ bằng tiền 30Kg gạo tẻ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)	Tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ phần trăm diện tích đất nông nghiệp thu hồi (%)	Số nhân khẩu được hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Mức hỗ trợ (đồng/ khẩu/ tháng)	Thành tiền (đồng)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(13x14x15)	(17)=(10+16)	(18)
1	Nguyễn Văn Xuân (SDD: 019060005531) - SDT: 0983.558.114	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương	48,2	5.000,0	1,0%	3,0		562.800						500.000			Dưới 50m không hỗ trợ
2	Nguyễn Văn Chín (SDD: 019081007251) - SDT: 0979.766.509	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương	84,6	1.500,0	5,6%	4,0	3	562.800	6.753.600					500.000		6.753.600	
3	Trần Văn Tuấn (SDD: 019068010581) - SDT: 0352.336.738	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương	84,5	3.000,0	2,8%	2,0	3	562.800	3.376.800					500.000		3.376.800	
4	Nguyễn Thị Quế (SDD: 019182000996)	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương	29,9	567,5	5,3%	4,0		562.800						500.000			Dưới 50m không hỗ trợ
TỔNG CỘNG:			247,2	10.067,5					10.130.400	-		-			-	10.130.400	

2.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG HẠN CHẾ KHẢ NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT
DỰ ÁN: ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP 110KV SÔNG CÔNG 5

(Phương án kèm theo Thông báo số 94 /TB-CNTTPTQĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng	Tiêu chí	Số thửa TL (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ TL (Tờ BDDC)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích hạn chế khả năng sử dụng đất (m ²)	Loại đất	Vị trí	Bồi thường, hỗ trợ đất		Mức bồi thường đất (theo Khoản 2 điều 5, QĐ 24)	Tổng cộng (đ)
									Đơn giá (đ/m ²)	T. tiền (đ)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(9x12)	(14)	(15)=(13x14)
1	Nguyễn Văn Chín (SDD: 019081007251) - SDT: 0979.766.509	HTĐT			8.251,4	622,9				15.572.500		4.671.750
		HTĐT	222	1	8.251,4	622,9	RSX	1	25.000	15.572.500	30%	4.671.750
Tổng cộng:						622,9				15.572.500		4.671.750

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP 110KV SÔNG CÔNG 5**

(Phương án kèm theo Thông báo số 94 /TB-CNTTPTQĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Địa chỉ thường trú	Số thửa TL (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ TL (Tờ BĐĐC)	Vị trí cột điện	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Vị trí	Tài sản gắn liền với đất	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nguyễn Văn Xuân (SDD: 019060005531) - SĐT: 0983.558.114	HTĐT	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương				0,0	309,3	48,2				
		HTĐT		359	1	VT40		309,3	48,2	LUK	1	Lúa	Không có GCN
2	Nguyễn Văn Chín (SDD: 019081007251) - SĐT: 0979.766.509	HTĐT	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương				0,0	8251,4	84,6				
		HTĐT		222	1	VT43		8.251,4	84,6	RSX	1	Keo	Không có GCN
3	Trần Văn Tuấn (SDD: 019068010581) SĐT: 0352.336.738	HTĐT	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương				1088,0	1072,2	84,5				
		HTĐT		560(287,289)	1(17)	VT41	1088,0	1072,2	84,5	LUC	1	Lúa	Có GCN
4	Nguyễn Thị Quế (SDD: 019182000996)	HTĐT	Xóm Đức Hòa, xã Tân Cương				205,0	207,5	29,9				
		HTĐT		361	1(17)	VT40	205	207,5	29,9	LUK	1	Lúa	Có GCN
TỔNG CỘNG:							1.293,0	9.840,4	247,2				

2.1.3.2. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT - LẤY Ý KIẾN

Dự án: Đường dây và trạm biến áp 110KV Sông Công 5

(Phương án kèm Thông báo số 04/TB-CNTP/QĐKVII ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Đ	DANH MỤC	DANH MỤC CHI TIẾT	ĐV	DIỆN GIẢI SỐ LIỆU THU THẬP, KÊ KHAI, KIỂM ĐỂM	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	MẬT ĐỘ CÂY	DT THEO MẬT ĐỘ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN	TỔNG GIÁ TRỊ
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=6x7x10	(12)
	Nguyễn Văn Chín										1.405.300
	Cây cối tại thửa 222, tờ bản đồ 17										
	Keo năm thứ 4	Cây keo, Bạch đàn	Cây	13	13	50.780	6,25	81,25	100,0%	660.100	
		Bồi thường khối lượng gỗ keo, bạch đàn	m3	13*0,3*0,3/(4*3,14)*0,5*8	0,3726115	2.000.000	-	-	100,0%	745.200	
	Tổng										81,3

DIỆN TÍCH THỰC TẾ THU HỒI (S1) = 84,6 m2

DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH CHIẾM CHỖ = 0,0 m2

DIỆN TÍCH THEO ĐỊNH MỨC, MẬT ĐỘ CÂY TRỒNG (S2) = 81,25 m2

HỆ SỐ GIÁ BỒI THƯỜNG =	$\frac{(S1 - S3)}{S2}$	=	104,1%
------------------------	------------------------	---	---------------